

Số: 133 /2005/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 22 tháng 11 năm 2005.

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quản lý thực hiện Quyết định 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ “về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 134/2004/QĐ -TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 819/2004/TTLT/UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 10/11/2004 của Liên Bộ: Ủy ban Dân tộc - KH&ĐT - Tài chính - Xây dựng - NN&PTNT hướng dẫn thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở KH&ĐT tại Tờ trình số 809/TTr-SKH&ĐT ngày 16/11/2005,

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý thực hiện Quyết định số 134/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ “về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2:** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị, UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

19. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Nơi nhận:**

- VPCP, Bộ KH&ĐT, TC, XD, UBND (thay b/c);
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT và các PCT;
- Như điều 2;
- LĐVP, CV: KT, SX, VX, TH;
- Lưu: VT.

*Nguyễn Văn Ch�a*

## QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ, THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 134/2004/QĐ-TTg NGÀY  
20/7/2004 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ “ VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH  
HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT, ĐẤT Ở, NHÀ Ở VÀ NƯỚC SINH HOẠT CHO HỘ  
ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ NGHÈO ĐỜI SỐNG KHÓ KHĂN ”

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

( Kèm theo Quyết định số 133 /2005/QĐ-UBND ngày 22 / 11 /2005  
của UBND tỉnh Bình Phước).

### CHƯƠNG I : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.

#### Điều 1: Đối tượng và phạm vi áp dụng.

##### 1. Đối với hộ gia đình.

Là hộ dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc diện hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 01/11/2000 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2001-2005 hiện đang sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp nhưng chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở, có khó khăn về nhà ở, nước sinh hoạt.

Đối với những hộ đồng bào dân tộc thiểu số (kể cả các hộ chỉ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) từ nơi khác đến nay đã định cư ổn định theo quy hoạch tại địa phương, các hộ hiện ở không đúng với quy hoạch của địa phương nhưng chấp nhận chuyển đến ở trong vùng quy hoạch của địa phương, hộ di dân tự do đi nơi khác nay trở về quê cũ trước thời điểm Quyết định 134/2004/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành và được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận. Các trường hợp này nếu thuộc diện hộ nghèo theo Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH và đang gặp khó khăn về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt thì cũng thuộc đối tượng hưởng chính sách tại quyết định này.

Đối với những hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đã được hỗ trợ về đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt theo những quy định trước đây, nhưng đến nay vẫn là hộ nghèo, chưa đủ đất sản xuất, đất ở và khó khăn về nhà ở, nước sinh hoạt thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ theo quyết định 134/2004/QĐ-TTg.

##### 2. Đối với cộng đồng thôn, bản.

Thôn, bản là tổ chức được quy định theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06/12/2002 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế hoạt động của thôn, tổ dân phố

và có từ 20% hộ dân tộc thiểu số trở lên đang sinh sống và có khó khăn về nước sinh hoạt.

**Điều 2 . Mức hỗ trợ và phương thức thực hiện:**

**1. Hỗ trợ nhà ở :**

**a) Điều kiện hỗ trợ nhà ở:** Có một trong các điều kiện sau:

- + Chưa có nhà ở.
- + Đang ở nhờ, thuê nhà (Không phải sở hữu của Nhà nước)
- + Nhà ở quá tạm bợ và đã hư hỏng dột nát.

**b) Mức hỗ trợ:** 6 triệu đồng/hộ.

**c) Phương thức thực hiện:** Hộ dân tự làm.

**2. Hỗ trợ nước sinh hoạt:**

**a) Điều kiện hỗ trợ:**

- + Các hộ có một trong các điều kiện sau:
  - Nằm trong khu vực đã có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung nhưng nguồn nước không ổn định, không có khả năng xây dựng các bể chứa nước dự phòng.

- Nằm trong khu vực không có nguồn nước tự chảy phải khai thác nguồn nước ngầm, nước mưa nhưng không có khả năng làm bể chứa, đào giếng hoặc có giếng nhưng mất nước trong mùa khô , chưa xây sàl giếng .

- + Các thôn bản có khả năng khai thác nguồn nước để phục vụ sinh hoạt (khu vực có điện và có nguồn nước ngầm , nước mặt có thể phục vụ hiệu quả cho công trình cấp nước tập trung) nhưng chưa được đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

**b) Mức hỗ trợ:**

- + Các hộ dân được chọn 1 trong các mức hỗ trợ như sau :

- Xây bể chứa nước, xây sàl giếng, tự tạo nguồn nước khác: Được cấp 0,5 tấn xi măng PC30/hộ hoặc 300.000 đ/hộ .
- Đào giếng, nạo vét giếng: 300.000đ/hộ
- Lu, stéc chứa nước: Nhà nước cấp bằng hiện vật trực tiếp cho các hộ dân.

- + Đối với xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung:

Thôn, bản có từ 50% số hộ là dân tộc thiểu số trở lên ngân sách Nhà nước đầu tư 100% tổng vốn đầu tư; Thôn, bản có từ 20% - 50% số hộ dân là dân tộc thiểu số thì ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% tổng vốn đầu tư.

**c) Phương thức thực hiện:**

- + Xây bể chứa nước, xây sàl giếng, đào giếng, nạo vét giếng, tự tạo nguồn nước khác: UBND xã, phường (sau đây gọi tắt là UBND xã) thanh toán tiền mặt cho các hộ dân tự làm hoặc đơn vị được UBND huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là

UBND huyện) giao nhiệm vụ cung ứng giao xi măng tận hộ gia đình theo quy định để hộ dân tự làm.

+ Cấp lu, stéc chứa nước: UBND huyện chỉ định đơn vị thực hiện cấp bằng hiện vật cho các hộ dân.

+ Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung:

Tuỳ theo điều kiện từng nơi, UBND huyện giao cho BQL Dự án cấp huyện hoặc xã làm chủ đầu tư. Trình tự thực hiện như đối với xây dựng công trình hạ tầng của Chương trình 135.

Trong thời gian trước mắt, tạm giao cho Ban dân tộc tỉnh làm chủ đầu tư thực hiện các công trình cấp nước tập trung thuộc chương trình 134.

### **3. Cấp đất ở:**

a) Điều kiện để các hộ dân thuộc đối tượng của CT134 được cấp đất ở:

+ Chưa có đất ở.

+ Có đất ở nhưng diện tích dưới 100 m<sup>2</sup> và có nhu cầu chuyển đến nơi ở mới.

b) Định mức:

Tuỳ theo khả năng của địa phương nhưng tối đa không quá 400m<sup>2</sup>/hộ. Các hộ dân đã có trên 100m<sup>2</sup> đất ở thì không xét cấp đất ở thêm. Trường hợp các hộ dân hiện có đất ở dưới 100m<sup>2</sup> mà có nhu cầu chuyển đến nơi ở mới do xã quy hoạch và cấp đất theo Chương trình 134 thì phải giao lại diện tích hiện đang sử dụng cho UBND xã để sắp xếp sử dụng cho các hộ dân khác hoặc các nhu cầu công cộng của địa phương.

### **4. Cấp đất sản xuất:**

a) Điều kiện để các hộ dân thuộc đối tượng của Chương trình 134 được cấp đất sản xuất:

+ Chưa có đất sản xuất.

+ Có đất sản xuất nhưng diện tích nhỏ hơn mức quy định: Đất ruộng lúa nước 02 vụ ít hơn 0,15 ha/hộ hoặc đất ruộng lúa nước 01 vụ ít hơn 0,25ha/hộ hoặc đất nương rẫy ít hơn 01ha/hộ .

b) Định mức: Các hộ dân thiếu đất được cấp đủ 01 ha/hộ đất nương, rẫy. Trường hợp các địa phương có quỹ đất ruộng thì tuỳ theo khả năng để cấp nhưng không quá 0,5 ha/hộ đất ruộng 1 vụ hoặc 0,25 ha/hộ đất ruộng 2 vụ.

## **CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ .**

### **Điều 3: Quy định về Chủ đầu tư .**

#### **1. Cấp tỉnh:**

Trong thời gian đầu, tạm giao Ban dân tộc là Chủ đầu tư các dự án công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Ban Dân tộc Tỉnh sử dụng ban Ban QLDA các

Chương trình mục tiêu phát triển vùng Đồng bào dân tộc thiểu số để quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

## **2. Cấp huyện .**

UBND huyện là cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng Chương trình 134 trên địa bàn huyện.

UBND huyện giao nhiệm vụ cho UBND các xã thực hiện các chính sách hỗ trợ đến người dân đảm bảo đúng đối tượng và chính sách theo quy định.

Đối với các nhiệm vụ, mục tiêu mà người dân không tự thực hiện được hoặc do các đối tượng chính sách yêu cầu (khai hoang tập trung, làm đường vào khu dân cư, cung cấp xi măng, lu – stec chứa nước . . . ). UBND huyện có thể sử dụng BQL dự án của huyện hiện có hoặc giao nhiệm vụ cho các đơn vị, phòng, ban chức năng thực hiện.

## **3. Đối với cấp xã .**

UBND các xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý, cấp phát theo các chính sách hỗ trợ của chương trình cho nhân dân thuộc đối tượng được hưởng trên địa bàn xã (trừ công trình không do UBND xã thực hiện).

Đảng ủy, HĐND và các đoàn thể, các tổ chức chính trị – xã hội, trưởng thôn, già làng tham gia giám sát tình hình thực hiện chương trình trên địa bàn xã đảm bảo việc thực hiện chương trình đảm bảo đúng đối tượng và chính sách theo quy định.

Đảng ủy, HĐND và các đoàn thể, các tổ chức chính trị – xã hội, trưởng thôn, già làng vận động, tổ chức nhân dân trong cộng đồng tích cực hưởng ứng chương trình bằng các đóng góp thiết thực giúp đỡ các hộ thuộc đối tượng chương trình.

Đối với các công trình xây dựng hạ tầng, cấp nước tập trung, khai hoang tập trung do các đơn vị được UBND huyện chỉ định thực hiện trên địa bàn xã: Trình tự quản lý thực hiện như đối với các công trình XD/CB thuộc chương trình 135. Vì vậy Ban giám sát xã tiếp tục tham gia giám sát theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại quyết định số 83/2001/QĐ-UB ngày 17/10/2001 của UBND tỉnh Bình Phước.

## **Điều 4: Kế hoạch vốn và nguồn vốn thực hiện .**

**1. Nguồn vốn:** Nguồn vốn đầu tư thực hiện chương trình cân đối hàng năm như sau:

- Nguồn vốn ngân sách TW giao hàng năm.
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh cân đối theo quy định.
- Nguồn vốn cân đối từ ngân sách Huyện.
- Nguồn vốn tài trợ của các Tổ chức quốc tế.
- Nguồn vốn huy động từ các cơ quan, tổ chức KT-XH, các doanh nghiệp.

- Nguồn vốn huy động nhân dân trong và ngoài tỉnh và nguồn lực huy động tại chỗ (chủ yếu là vật tư và ngày công lao động).

## **2. Kế hoạch hoá đầu tư.**

### **a. Nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn đầu tư.**

Căn cứ khả năng cân đối các nguồn vốn nêu tại điều 3 mục 1. UBND huyện phải có trách nhiệm bố trí cho từng mục tiêu, chính sách, đối tượng được duyệt. Đồng thời phải phối hợp, lồng ghép với các chương trình, dự án khác trên địa bàn nhằm phát huy tốt các nguồn lực tham gia vào đề án.

Nguồn vốn tài trợ của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh phải lồng ghép với các nguồn vốn trong kế hoạch và thực hiện theo yêu cầu của Nhà tài trợ.

Nguồn vốn huy động của nhân dân: Thực hiện theo Nghị định 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ.

Tất cả các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ đầu tư theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg phải được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu của đề án.

Kế hoạch thực hiện hàng năm phải đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

Việc bố trí vốn phải ưu tiên cho mục tiêu giải quyết đất ở và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. UBND huyện phải thông báo cho UBND xã về đối tượng, số lượng, vốn cân đối cho từng chính sách.

UBND xã phải thông báo công khai, rộng rãi các thông tin thuộc chương trình cho nhân dân trong xã và đến các hộ dân được hưởng chính sách của chương trình.

### **b. Lập kế hoạch đầu tư.**

- Đối với cấp tỉnh: Hàng năm, Ban dân tộc căn cứ vào đề án được duyệt và nhu cầu đầu tư các công trình cấp nước tập trung ở các xã để lập kế hoạch thực hiện và nhu cầu vốn đầu tư trong năm. Sở KH&ĐT phối hợp cùng sở Tài Chính tổng hợp, cân đối nhiệm vụ kế hoạch, nhu cầu vốn đầu tư cho các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trình UBND tỉnh quyết định.

- Đối với cấp huyện: Hàng năm, Phòng tài chính – kế hoạch căn cứ đề án được duyệt và đề nghị của UBND các xã để tiến hành tổng hợp hạng mục công việc trình UBND huyện xem xét dự kiến kế hoạch trong kế hoạch đầu tư chung trên toàn huyện để báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định (đồng gửi Sở KH&ĐT, Sở TC, Ban Dân tộc xem xét trình UBND Tỉnh ).

- Đối với cấp xã: Hàng năm, UBND xã lập kế hoạch thực hiện, xác định nhu cầu, thứ tự ưu tiên thực hiện các chính sách và danh sách các đối tượng được hưởng đã qua bình xét trong cộng đồng để trình UBND huyện quyết định. Kế

hoạch này phải được thường trực Đảng uỷ xã, HĐND xã, UBND xã thông qua trước khi trình UBND huyện .

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu) cùng các Sở TC, Ban Dân tộc có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các huyện và cân đối chung trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội toàn tỉnh trình UBND tỉnh quyết định.

### **c. Giao chỉ tiêu kế hoạch.**

Căn cứ vào nhu cầu đầu tư theo đề án đã được duyệt và kế hoạch đầu tư của Ban Dân tộc, UBND các huyện. UBND tỉnh giao kế hoạch thực hiện cho Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị gồm có: Nhiệm vụ chủ yếu và nguồn vốn cân đối từ ngân sách Nhà nước theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg cho từng nhiệm vụ, mục tiêu thuộc đề án.

Trên cơ sở đề án được duyệt, các mục tiêu, cân đối ngân sách do UBND Tỉnh giao và cân đối các nguồn lực khác tại địa phương. UBND huyện giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị và UBND các xã để thực hiện chương trình.

### **3. Các công tác thực hiện chương trình ở các cấp.**

#### **a) Đối với cấp tỉnh.**

Ban dân tộc căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được UBND tỉnh giao để tổ chức triển khai thực hiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đúng mục tiêu, nhiệm vụ được duyệt theo đúng trình tự, tiến độ quy định.

#### **b) Đối với cấp huyện.**

UBND huyện tổ chức kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc, các đơn vị được chỉ định thực hiện chương trình, UBND các xã thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Các phòng ban chức năng của huyện (như phòng TC-KH, Kho Bạc NN huyện. ...vv...) phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Đảm bảo các chính sách của chương trình đến đúng đối tượng nhanh chóng và thuận lợi.

#### **c) Đối với cấp xã.**

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch vốn và mục tiêu, nhiệm vụ được UBND huyện giao để tổ chức triển khai thực hiện các chính sách theo đúng đối tượng theo quy định trên địa bàn xã.

### **Điều 5: Biện pháp thực hiện.**

#### **1. Hỗ trợ nhà ở.**

UBND huyện, UBND các xã hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà ở tùy theo tập quán sinh hoạt của từng dân tộc và khả năng của các hộ dân để thực hiện nhưng phải đảm bảo tối thiểu một số tiêu chí cơ bản sau:



### **a. Nhà xây.**

- + Loại nhà cấp IV
- + Diện tích xây dựng tối thiểu là 30 m<sup>2</sup>.
- + Nền đất hoặc láng vữa xi măng, gạch.
- + Cột xây gạch hoặc BTCT; tường gạch hoặc ván gỗ; xà gỗ sắt hoặc gỗ.
- + Mái lợp ngói hoặc tôn.
- + Chiều cao tối thiểu 3,5 m .

### **b. Nhà gỗ.**

- + Diện tích xây dựng tối thiểu là 30 m<sup>2</sup>.
- + Nền đất hoặc láng vữa xi măng
- + Khung nhà bằng gỗ hoặc sắt, BTCT; tường vách bằng gỗ hoặc đất; xà gỗ bằng gỗ hoặc sắt; mái lợp ngói hoặc tôn.
- + Chiều cao tối thiểu 3,5 m.

Sau khi các hộ dân thực hiện hoàn thành được nghiệm thu mà đảm bảo chất lượng và các điều kiện nêu trên trở lên sẽ được Nhà nước thanh toán đủ 6 triệu đồng bằng tiền mặt. Trường hợp hộ dân thực hiện xây dựng nhà ở với quy mô lớn hơn tiêu chuẩn trên thì cũng được chi 6 triệu đồng/ hộ, phần chênh lệch về kinh phí xây dựng sẽ do hộ dân tự đảm nhận.

## **2. Cấp đất ở .**

Các khu quy hoạch đất ở cấp cho các hộ dân phải được san ủi mặt bằng, xây dựng đường giao thông trước khi bàn giao đất. Sau khi bàn giao đất, UBND các huyện tiến hành đo vẽ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở giao cho các hộ dân.

Vốn Ngân sách TW và tỉnh cân đối cho công việc san ủi mặt bằng, đo vẽ và cấp sổ cho nhân dân.

Vốn Ngân sách huyện, vốn các chương trình do huyện quản lý: Cân đối cho công việc làm đường và các công trình hạ tầng khác trong khu quy hoạch dân cư.

## **3. Cấp đất sản xuất.**

+ Trong trường hợp đất sản xuất giao cho các hộ dân cần phải khai hoang (thủ công hoặc cơ giới) Người dân được hưởng chính sách được quyền chọn lựa và đề nghị thực hiện 1 trong các hình thức sau:

- Dân tự làm hoặc tự thuê mướn lao động, xe máy để khai hoang trên diện tích đất được cấp. Đối với trường hợp này sau khi có nghiệm thu, UBND xã chi trả trực tiếp cho các hộ dân bằng tiền mặt theo định mức.

- Trường hợp các hộ dân yêu cầu Nhà nước tiến hành khai hoang tập trung thì UBND các huyện giao cho UBND xã hoặc chỉ định đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện khai hoang đất cho các hộ dân. Trình tự, nội dung thực hiện theo quy định của chương trình 135.

+ Sau khi bàn giao đất sản xuất cho các hộ dân, UBND huyện chỉ đạo cho các phòng nghiệp vụ tiến hành đo vẽ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho cộng đồng (Không cấp trực tiếp cho từng hộ dân). Chi phí đo vẽ và cấp sổ do ngân sách tỉnh chi trả (trong tổng mức NS tỉnh cân đối cho chương trình).

#### **4. Quỹ đất để giao đất ở và đất sản xuất cho các hộ dân.**

Quỹ đất được hình thành qua việc thu hồi đất của các nông lâm trường hoặc chuyển nhượng lại của các hộ nhiều đất và các trường hợp khác được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 điều 3 quyết định 134 /2004/QĐ-TTg ngày 20/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ để cấp cho các hộ thiếu đất.

Đối với các trường hợp cần chi trả tiền để tạo quỹ đất: UBND huyện chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tiến hành xác minh thực tế, lập phương án thu hồi, dự toán đền bù gửi sở Tài chính thẩm định và trình UBND Tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện. Nguồn vốn Ngân sách nhà nước của chương trình 134 cân đối và chi trả cho nhiệm vụ này.

#### **5. Hỗ trợ cấp nước sinh hoạt.**

Đối với xây dựng công trình cấp nước tập trung xây dựng theo một số tiêu chí như sau:

+ Tổng vốn đầu tư không vượt quá 700 triệu đồng/ 01 công trình.

+ Không xây dựng mạng phân phối nước mà chỉ thực hiện xây dựng các công trình tạo nguồn nước, các trạm xử lý nước và bể chứa nước tập trung ở những nơi tập trung dân cư.

+ Công suất đảm bảo cấp định mức 80 lít nước/ người.ngày.

#### **Điều 6: Nghiệm thu và bàn giao công trình.**

##### **1. Đối với cấp tỉnh.**

Ban Dân tộc thực hiện nghiệm thu công trình theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng. Sau khi nghiệm thu, công trình được bàn giao cho xã sử dụng, Ban Dân tộc phải bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến công trình cho UBND xã lưu giữ.

##### **2. Cấp huyện.**

a) Thành phần tham gia nghiệm thu các hạng mục do nhân dân tự làm.

- Các phòng ban chuyên môn do UBND huyện giao theo dõi chương trình.

- UBND xã.

- Các hộ dân thực hiện.

b) Thành phần tham gia nghiệm thu công việc cung ứng vật tư cho các hộ dân.

- Các phòng ban chuyên môn do UBND huyện giao nhiệm vụ theo dõi chương trình.

- UBND xã.

- Đơn vị thực hiện cung ứng vật tư.

- Các hộ dân thụ hưởng.

c) Đối với công trình xây dựng cơ bản tập trung (kể cả khai hoang tập trung). Thực hiện như theo quy định của chương trình 135.

## **Điều 7: Cấp phát và thanh toán vốn.**

### **1. Đối với cấp tỉnh.**

Trình tự thực hiện và quản lý cấp phát vốn đầu tư cho Ban Dân tộc để xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung như đối với các công trình xây dựng hạ tầng thuộc chương trình 135 ở cấp tỉnh.

### **2. Đối với cấp huyện.**

Sở Tài chính căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh giao để chuyển vốn cho phòng Tài chính – Kế hoạch huyện theo hình thức trợ cấp có mục tiêu.

Phòng TC-KH huyện căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt và các thủ tục tạm ứng, nghiệm thu để cấp phát cho UBND xã, đơn vị thụ hưởng bằng lệnh chi tiền qua kho bạc NN huyện. Riêng đối với công trình cấp nước tập trung và khai hoang tập trung thì việc quản lý, cấp phát như đối với công trình XD/CB thuộc chương trình 135.

Một số quy định cụ thể trong việc tạm ứng, cấp phát và thanh toán vốn:

#### **a) Đối với các hộ dân được hỗ trợ nhà ở.**

Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ kết quả nghiệm thu của UBND xã tiến hành thẩm định và thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền qua Kho bạc Nhà nước huyện cho UBND xã để thanh toán cho các hộ dân theo quy định tại mục a khoản 2 Điều 1 của quy định này.

Trường hợp các hộ dân có yêu cầu tạm ứng: phòng Tài chính - kế hoạch huyện, thị xã làm thủ tục tạm ứng cho UBND xã qua Kho bạc Nhà nước để UBND xã tạm ứng cho các hộ dân. Mức tạm ứng không quá 60% mức Ngân sách Nhà nước hỗ trợ. Khi công trình hoàn thành, căn cứ kết quả nghiệm thu có xác nhận của UBND xã. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện cấp phát bằng lệnh chi tiền qua Kho bạc Nhà nước cho UBND xã để thanh toán cho các hộ dân đủ 6 triệu đồng/nhà. Đồng thời làm thủ tục thu hồi số tiền đã tạm ứng.

Trường hợp các hộ dân có nhu cầu cung ứng vật liệu, UBND xã tổng hợp đăng ký nhu cầu vật liệu của các hộ dân (phân loại từng loại vật liệu, chi tiết từng hộ) gửi UBND huyện xem xét chấp thuận. Căn cứ số lượng vật liệu các hộ dân ở các xã đăng ký, điều kiện cụ thể của từng xã trên địa bàn, UBND huyện (hoặc

phòng, ban chức năng được UBND huyện giao) ký hợp đồng với các đơn vị cung ứng vật liệu, đơn vị này thực hiện việc cung ứng vật liệu cho các hộ dân tại thôn, bản. Căn cứ khối lượng vật liệu thực tế giao nhận cho các hộ dân có biên bản bàn giao giữa đơn vị cung ứng và từng hộ dân (có ký nhận của Chủ hộ và xác nhận của UBND xã) và đề nghị của UBND xã. Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra, lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các đơn vị cung ứng vật liệu theo chế độ hiện hành. Mức thanh toán tối đa không vượt quá 6 triệu đồng cho từng hộ dân.

Đối với các huyện có rừng và được sự đồng ý của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ bằng gỗ cho các hộ dân làm nhà: Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với các đơn vị liên quan căn cứ khối lượng gỗ cung cấp cho các hộ dân để xác định giá trị khối lượng gỗ phản ánh vào ngân sách (ghi thu, ghi chi). Giá trị khối lượng gỗ hỗ trợ cho các hộ dân được xác định là phần Ngân sách địa phương hỗ trợ các hộ dân. Chi phí khai thác, vận chuyển gỗ (nếu có) cũng được tính vào giá trị khối lượng gỗ. Giá trị gỗ hỗ trợ cho các hộ dân cũng không vượt quá mức hỗ trợ của Nhà nước.

**b) Đối với các hộ dân được hỗ trợ nước sinh hoạt.**

+ Hộ dân được cấp lu, stéc chứa nước:

Căn cứ danh sách bình xét của các hộ dân được duyệt, hợp đồng cung ứng giữa UBND huyện (hoặc cơ quan được UBND huyện chỉ định) với đơn vị cung ứng lu, stéc chứa nước; khối lượng lu, stéc chứa nước thực tế giao nhận với các hộ dân theo biên bản bàn giao giữa đơn vị cung ứng và từng hộ dân (có ký nhận của Chủ hộ và xác nhận của UBND xã) và đề nghị của UBND xã. Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra, lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc nhà nước huyện để thanh toán cho các đơn vị cung ứng lu, stéc chứa nước theo chế độ hiện hành.

+ Đối với các hộ dân tự làm bể chứa nước, đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác:

Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ kết quả nghiệm thu của UBND xã, thẩm định và thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền qua Kho bạc nhà nước huyện cho UBND xã để thanh toán cho các hộ dân theo quy định tại mục b khoản 2 Điều 2 của quy định này.

Trường hợp các hộ dân chọn lựa hình thức nhận xi măng: Căn cứ danh sách bình xét của các hộ dân được duyệt, hợp đồng cung ứng giữa UBND huyện, thị xã (hoặc đơn vị được UBND huyện chỉ định) với đơn vị cung ứng xi măng, khối lượng xi măng thực tế cấp cho các hộ dân theo, giá bán đến thôn bản đã ký kết, biên bản bàn giao giữa đơn vị cung ứng và từng hộ dân (có ký nhận của Chủ hộ và xác nhận của UBND xã) và đề nghị của UBND xã. Phòng Tài chính - Kế

hoạch kiểm tra, lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước huyện để thanh toán cho các đơn vị cung ứng xi măng theo chế độ hiện hành.

**c) Khai hoang đất sản xuất và đất ở .**

+ Đối với hộ dân tự khai hoang hoặc thuê mướn lao động để khai hoang:

Căn cứ danh sách các hộ dân đăng ký tự tổ chức khai hoang, biên bản nghiệm thu, giấy đề nghị của UBND xã. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kiểm tra và cấp phát bằng lệnh chi tiền cho UBND xã qua Kho bạc nhà nước huyện để chi trả cho các hộ dân. Mức thanh toán:

- Khai hoang cơ giới (Ủi hoang, móc gốc cây, cày 2 lượt): 3 triệu đồng/ha.

- Khai hoang thủ công (Phát, đốt, dọn đất): 2 triệu đồng/ha.

+ Đối với khai hoang tập trung do UBND xã (hoặc đơn vị được UBND huyện chỉ định) tổ chức thực hiện: Trình tự thực hiện và quản lý như đối với các công trình xây dựng hạ tầng thuộc chương trình 135.

**d) Các chi phí quản lý, thực hiện chương trình ở các cấp .**

- Chi phí quản lý ,thực hiện chương trình của các cơ quan, đơn vị các cấp được cân đối trong kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của các đơn vị đó .

- Nguồn vốn thực hiện chương trình chỉ chi cho chi phí quản lý công trình theo chế độ hiện hành cho đơn vị quản lý, thực hiện các công trình đầu tư XDCB tập trung.

**3. Thủ tục cụ thể trong cấp phát và thanh toán vốn .**

Giao cho Sở Tài Chính hướng dẫn các phòng TC-KH và KBNN huyện, thị thực hiện chi tiết các quy định tại khoản 1 và 2 của điều này.

### **CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.**

**Điều 8 : Báo cáo tình hình thực hiện.**

UBND huyện báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý về tình hình thực hiện chương trình cho thường trực chương trình (Sở KH&ĐT, Ban Dân tộc) và UBND Tỉnh.

UBND các xã báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý gửi UBND huyện, phòng TC-KH và các phòng ban chuyên môn có liên quan.

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện việc báo cáo định kỳ cho hệ thống quản lý ngành dọc của mình về tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng vốn của chương trình.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý về tình hình thực hiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cho Sở KH&ĐT, Sở TC và UBND Tỉnh.

Kết thúc năm kế hoạch và kết thúc chương trình, UBND các huyện lập báo cáo tình hình thực hiện Quyết định 134/QĐ-TTg về Ban chỉ đạo các Chương trình

mục tiêu của tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và các Sở ngành có liên quan để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Trung ương.

**Điều 9: Tổ chức thực hiện.**

UBND các huyện, UBND các xã căn cứ các quy định trên đây để triển khai thực hiện nhằm hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các Sở chức năng của tỉnh, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện Quyết định 134/2004/QĐ-TTg và phải ưu tiên giải quyết nhanh các thủ tục đối với công tác liên quan đến chương trình.

**Điều 10: Xử lý các vấn đề có liên quan.**

Những nội dung chưa được đề cập trong quy định này: thực hiện theo những quy định của Nhà nước một số các văn bản sau:

1. Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đất sản xuất, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

2. Thông tư Liên tịch số 819/2004/TTLT/UBND-KH&ĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 10/11/2004 của Liên Bộ: Ủy ban Dân tộc – Kế hoạch và Đầu tư – Tài chính – Xây dựng – Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ .

3. Thông tư số 121/2004/TT-BTC ngày 16/12/2004 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ

**Điều 11:** Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc hoặc những quy định trên đây không còn phù hợp với tình hình thực tế thì các UBND các cấp và các cơ quan chức năng cần nghiên cứu, báo cáo UBND tỉnh xem xét./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**K. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Ch�a*